

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT CẦN THƠ



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: BẢO VỆ THỰC VẬT

MÃ NGÀNH: 5620116

TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP (hệ tốt nghiệp THCS)

Ban hành kèm theo Quyết định số: 299/QĐ-KTKT, ngày 15 tháng 8 năm 2024

của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ

NĂM 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Bảo vệ thực vật

Mã ngành: 5620116

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Đối tượng tuyển sinh: tốt nghiệp THCS hoặc tương đương

Thời gian khóa học: 2,5 năm

1. GIỚI THIỆU NGÀNH ĐÀO TẠO

Bảo vệ thực vật là một trong những ngành học quan trọng trong lĩnh vực nông nghiệp, chuyên đào tạo các kiến thức có liên quan đến tài nguyên thực vật. Ngành Bảo vệ thực vật đào tạo các kiến thức về cây trồng, môi trường đất, kỹ thuật trồng và chăm sóc cây trồng, đặc biệt đi sâu vào các kiến thức về các đối tượng dịch hại trên cây trồng như côn trùng, bệnh hại, động vật hại nông nghiệp, cỏ dại..., và các biện pháp quản lý chúng một cách hiệu quả.

Chương trình đào tạo ngành Bảo vệ thực vật cung cấp cho sinh viên đầy đủ kiến thức cơ bản và chuyên môn về khoa học và kỹ thuật cây trồng, đặc biệt là kiến thức phòng trừ các loài dịch hại để bảo vệ cây trồng và chất lượng nông sản từ giai đoạn ngoài đồng đến khi sau thu hoạch.

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình trung cấp chuyên nghiệp ngành Bảo vệ thực vật được thiết kế để đào tạo học sinh trình độ trung cấp chuyên nghiệp, có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc, có sức khỏe, có đủ kiến thức và kỹ năng để tìm việc làm, đồng thời có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Nội dung khóa học bao gồm những kiến thức cơ bản về Sinh lý thực vật, Giống cây trồng, Dinh dưỡng cây trồng, Bảo vệ thực vật và những kiến thức chuyên ngành như Kỹ thuật trồng, chăm sóc các cây trồng chủ lực của vùng và xác định các đối tượng dịch hại chủ yếu, nhận diện được chúng ở ngoài đồng cũng như vận dụng được các biện pháp phòng trị phù hợp đối với từng đối tượng dịch hại. Đồng thời, người học còn được trang bị những kiến thức về công nghệ thông tin, ngoại ngữ, giáo dục thể chất, pháp luật, giáo dục quốc phòng - an ninh.

Sau khi học xong, người học có khả năng nắm vững những kiến thức cơ bản một cách có hệ thống và có khả năng thực hành nghề; có ý chí lập thân, lập nghiệp với tư

duy năng động, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong sinh hoạt tốt.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Kiến thức

Hiểu những kiến thức cơ bản về giống, đất, phân bón, mùa vụ, bảo vệ cây trồng và biết vận dụng những kiến thức đó vào thực tế.

Thực hiện được những thao tác về kỹ thuật trồng trọt cơ bản và có khả năng chỉ đạo qui trình sản xuất một số loại cây trồng chủ lực trong vùng.

Nhận dạng được sâu bệnh và thiên địch. Điều tra dự báo sâu bệnh trên đồng ruộng, xác định ngưỡng kinh tế và ngưỡng phòng trừ; các biện pháp cần thiết để bảo vệ cây trồng; sử dụng các loại thuốc phòng trừ dịch hại như sâu, bệnh và cỏ dại.

Biết tổ chức huấn luyện nông dân về kỹ thuật chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng.

Có kiến thức về tổ chức, quản lý sản xuất của ngành, biết tính toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm và lợi nhuận thu được.

Biết cách giao dịch về kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm.

2.2.2. Kỹ năng

Biết thực hành nghề nghiệp, biết cách nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật trong trồng trọt và bảo vệ cây trồng.

Có năng lực học tập để nâng cao trình độ và mở rộng kiến thức nhằm thích nghi với sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Xây dựng cho học sinh đạo đức trong công việc, có ý thức trách nhiệm, nghiêm túc và nhiệt tình với nghề nghiệp. Rèn luyện tính cẩn thận, chăm chỉ và lòng yêu ngành, yêu nghề.

Tạo cho học sinh sự tự tin trong công việc chuyên môn.

3. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp, người học được cấp bằng Trung cấp chuyên nghiệp và có khả năng đảm nhận các công việc kỹ thuật ở các trạm Khuyến Nông, trạm Bảo vệ thực vật, phòng Nông nghiệp, Chi cục BVTV, Nông trường, Trang trại, Hợp tác xã..., hay là nhân viên kỹ thuật, nhân viên kinh doanh cho các loại hình doanh nghiệp có liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp.

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN HỌC TẬP

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 58 *tín chỉ* (không kể học phần Công tác xã hội).

- Số lượng môn học: 24 môn học.

- Khối lượng học tập các môn học chung: 255/11 (*giờ/tín chỉ*)

- Khối lượng học tập các môn học chuyên môn: 1.275/47 (*giờ/tín chỉ*)

- Khối lượng lý thuyết: 335 (giờ); thực hành, thực tập: 1.275 (giờ).

5. TỔNG HỢP NĂNG LỰC CỦA NGÀNH, NGHỀ

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Năng lực sử dụng tiếng Anh giao tiếp ở cấp độ cơ bản (Bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, tương đương CEFR A1)
2	NLCB-02	Năng lực sử dụng công nghệ thông tin đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.
3	NLCB-03	Năng lực hiểu biết về chính trị, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chủ trương, chính sách nhà nước.
4	NLCB-04	Năng lực hiểu biết về Nhà nước và pháp luật. Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Vận dụng kiến thức pháp luật vào thực tiễn.
5	NLCB-05	Năng lực hiểu biết về hệ thống chính trị, pháp luật và quốc phòng - an ninh của nhà nước Việt Nam, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
6	NLCB-06	Đảm bảo khả năng đáp ứng về thể chất, sức khỏe đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
7	NLCL-01	Nắm được tình hình sản xuất, canh tác cây trồng ở địa phương. Nắm được quy định của pháp luật về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.
8	NLCL-02	Xây dựng kế hoạch và triển khai quy trình canh tác cây

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
		trồng cụ thể tại địa phương, địa bàn được phân công phụ trách
9	NLCL-03	Nhận diện chính xác tác nhân tấn công, gây hại cho cây trồng, phân tích mối tương quan giữa cây trồng-dịch hại-thiên địch và các yếu tố môi trường tác động đến mật số dịch hại ở từng thời điểm cụ thể.
III	Năng lực nâng cao	
10	NLNC-01	Đảm bảo các kiến thức, kỹ năng mềm và nghề nghiệp giúp phát triển bản thân, tham gia hội nhập, khởi nghiệp sau khi tốt nghiệp
11	NLNC-02	Tổ chức điều tra, thu thập số liệu, phân tích, đánh giá tình hình gây hại của dịch hại trên cây trồng, trên cơ sở đó đề xuất, xây dựng các giải pháp phòng trừ dịch hại một cách hiệu quả, an toàn.
12	NLNC-03	Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, phương án kỹ thuật về công tác bảo vệ cây trồng. Tổ chức thực hiện quy trình quản lý tổng hợp đối với các loài dịch hại cụ thể trên cây trồng.
13	NLNC-04	Tổ chức thực hiện công tác khuyến nông về bảo vệ thực vật, hướng dẫn ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.
14	NLNC-05	Phân tích hiệu quả kinh tế, tính toán chi phí sản xuất, đề góp phần canh tác hiệu quả về kinh tế, đồng thời đảm bảo vấn đề an toàn cho người tiêu dùng, người sản xuất và môi trường.
IV	Năng lực bổ trợ	
15	NLBT-01	Có kỹ năng lập kế hoạch và tiến hành công việc; kỹ năng quản lý công việc; kỹ năng quản lý tài chính cá nhân;
16	NLBT-02	Có kỹ năng giảm sự lo lắng và căng thẳng trong công việc; kỹ năng linh hoạt; thích nghi với sự thay đổi;
17	NLBT-03	Có kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng ra quyết định; kỹ năng sáng tạo; kỹ năng khởi nghiệp.

6. Nội dung chương trình

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ) THPT và liên thông			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ kiểm tra
I	Các môn học chung	11	255	94	148	13
TMC304	Giáo dục Chính trị	2	30	15	13	2
TCM302	Pháp luật	1	15	9	5	1
TCM406	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
TMC305	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	2	45	21	21	3
TMC301	Tin học	2	45	15	29	1
TMC107	Tiếng Anh	3	90	30	56	4
II	Các môn học chuyên môn	47	1.275	294	940	41
<i>II.1</i>	<i>Môn học cơ sở</i>	<i>11</i>	<i>210</i>	<i>112</i>	<i>87</i>	<i>11</i>
TBV304	Sinh lý thực vật	2	30	28	0	2
TBV301	Dinh dưỡng cây trồng	2	30	28	0	2
TBV401	Bảo vệ thực vật đại cương	2	30	28	0	2
TBV407	Thực hành Bảo vệ thực vật đại cương	2	60	0	58	2
TBV302	Giống cây trồng	2	30	28	0	2
TBV201	Thực hành cơ sở	2	60	0	58	2
<i>II.2</i>	<i>Môn học chuyên môn</i>	<i>33</i>	<i>1005</i>	<i>154</i>	<i>824</i>	<i>27</i>

TBV402	Cây ăn quả	2	30	28	0	2
TBV404	Cây lương thực	2	30	28	0	2
TBV405	Cây rau	2	30	28	0	2
TBV505	Thực hành chuyên ngành	3	90	0	88	2
TBV501	Bảo vệ thực vật chuyên khoa	3	45	42	0	3
TBV502	Thực hành Bảo vệ thực vật chuyên khoa	2	60	0	58	2
TBV504	Hóa Bảo vệ thực vật	3	60	28	29	3
TBV601	Thực hành nghề nghiệp 1	2	60	0	58	2
TBV602	Thực hành nghề nghiệp 2	2	60	0	58	2
TBV506	Thực tập doanh nghiệp 1	2	90	0	88	2
TBV603	Thực tập doanh nghiệp 2	5	225	0	220	5
TKL5555	Thực tập tốt nghiệp	5	225		225	
II.3	Môn học tự chọn	<u>2</u>	<u>30</u>	<u>28</u>	<u>0</u>	<u>2</u>
TBV403	Cây công nghiệp	2	30	28	0	2
TBV409	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong Bảo vệ thực vật	2	30	28	0	2
III	Công tác xã hội	1	60		60	
Tổng cộng		58	1.530	388	1.088	54

7. Kế hoạch giảng dạy:

Học kỳ 1:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/ kiểm tra
		Môn bắt buộc	5	135	43	85	7
1	TMC107	Tiếng Anh	3	90	30	56	4
2	TCM406	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
3	TMC307	Pháp luật	1	15	9	5	1
		Cộng	5	135	43	85	7

Học kỳ 2:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn bắt buộc	8	150	79	63	8
1	TMC304	Giáo dục Chính trị	2	30	15	13	2
2	TMC305	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	2	45	21	21	3
3	TMC301	Tin học	2	45	15	29	1
4	TBV304	Sinh lý thực vật	2	30	28	0	2
		Tổng cộng:	8	150	79	63	8

Học kỳ 3:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn học bắt buộc	14	270	140	116	14
1	TBV302	Giống cây trồng	2	30	28	0	2
2	TBV301	Dinh dưỡng cây trồng	2	30	28	0	2
3	TBV401	Bảo vệ thực vật đại cương	2	30	28	0	2
4	TBV201	Thực hành cơ sở	2	60	0	58	2
5	TBV407	Thực hành Bảo vệ thực vật đại cương	2	60	0	58	2
6	TBV402	Cây ăn quả	2	30	28	0	2
7	TBV405	Cây rau	2	30	28	0	2
		Công tác xã hội					
		Tổng cộng:	14	270	140	116	14

Học kỳ 4:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn học bắt buộc	15	375	98	263	14
1	TBV404	Cây lương thực	2	30	28	0	2
2	TBV504	Hóa Bảo vệ thực vật	3	60	28	29	3
3	TBV501	Bảo vệ thực vật chuyên khoa	3	45	42	0	3
4	TBV502	Thực hành Bảo vệ thực vật chuyên khoa	2	60	0	58	2
5	TBV506	Thực tập doanh nghiệp 1	2	90	0	88	2
6	TBV505	Thực hành chuyên ngành	3	90	0	88	2
		Môn học tự chọn	2	30	28	0	2
1	TBV403	Cây công nghiệp	2	30	28	0	2
2	TBV409	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong bảo vệ thực vật	2	30	28	0	2
		Tổng cộng	17	405	126	263	16

Học kỳ 5:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn học bắt buộc	9	345	0	336	9
1	TBV601	Thực hành nghề nghiệp 1	2	60	0	58	2
2	TBV602	Thực hành nghề nghiệp 2	2	60	0	58	2
3	TBV603	Thực tập doanh nghiệp 2	5	225	0	220	5
		Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	0
1	TKL5555	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	0
		Tổng cộng	14	570	0	561	9

8. Hướng dẫn sử dụng chương trình

- Đối với chương trình các môn học chung được thực hiện theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng giảng dạy, cụ thể:

1. Môn Giáo dục quốc phòng - An ninh: Thực hiện theo Thông tư 10/2018/TT-BLĐTĐ ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng

2. Môn Tin học: Thực hiện theo Thông tư 11/2018/TT-BLĐTĐ ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; Công văn số 2468/TCGDNN-ĐTCQ ngày 23/11/2023 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp về việc khai thác, sử dụng mô đun đào tạo “Năng lực số”;

3. Môn Giáo dục thể chất: Thực hiện theo Thông tư 12/2018/TT-BLĐTĐ ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

4. Môn Pháp Luật: Thực hiện theo Thông tư 13/2018/TT-BLĐTĐ ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

5. Môn Giáo dục chính trị: Thực hiện theo Thông tư 24/2018/TT-BLĐTĐ ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

6. Môn Anh Văn: Thực hiện theo Thông tư 03/2019/TT-BLĐTĐ ngày 17/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Anh Văn thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

- Đối với chương trình đào tạo chuyên ngành BẢO VỆ THỰC VẬT trình độ Trung cấp được thực hiện theo phương thức đào tạo tín chỉ. Chương trình có tổng số tín chỉ: 55 tín chỉ với các môn học và khối lượng được xây dựng như trên là những quy định bắt buộc bao gồm các nội dung sau:

+ Các môn học chuyên môn: bao gồm kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên môn và kiến thức tự chọn.

+ Các kiến thức, kỹ năng bổ trợ, như: kỹ năng đàm phán, kỹ năng tìm việc, quản lý tài chính,... (theo Thông tư số 32/2021/TT-BLĐTĐ ngày 28/12/2021 Bộ Lao

động - Thương binh và Xã hội quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho HSSV trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp)

- Đối với chương trình đào tạo chuyên ngành:

+ Được thực hiện theo phương thức tích lũy tín chỉ để đo khối lượng học tập của người học, thời gian của các hoạt động trong khóa học được tính theo giờ và quy ra đơn vị tín chỉ để xác định khối lượng học tập, mỗi năm học được chia làm 02 học kỳ (5 tháng/1 học kỳ).

+ Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận; hoặc bằng 45 giờ thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Thời gian người học tự học, tự chuẩn bị có hướng dẫn là điều kiện cần để người học có thể tiếp thu được kiến thức, kỹ năng của nghề nhưng không được tính để quy đổi ra tín chỉ trong chương trình đào tạo.

+ Một giờ học lý thuyết là 45 phút, một giờ học thực hành/tích hợp/thực tập là 60 phút.

+ Khối lượng kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành tùy theo từng ngành, nghề đào tạo phải đảm bảo tỷ lệ: Tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 30% - 50%; Thực hành, thực tập, thí nghiệm từ 50% - 70%

- Thực hiện nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

+ Thực hiện theo Thông tư số 32/2021/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho HSSV trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Quyết định số 338/QĐ-KTKT, ngày 19/9/2022 của Hiệu trưởng Trường về việc ban hành Quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho học sinh, sinh viên; đồng thời được lồng ghép với thực hiện Chương trình môn học Công tác xã hội thực hiện theo Quyết định số 476/QĐ-KTKT ngày 01/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ về việc ban hành Chương trình môn học Công tác xã hội áp dụng cho HSSV các lớp cao đẳng, trung cấp hệ chính quy.

+ Các hoạt động dã ngoại, trải nghiệm,... tùy theo từng ngành đưa thêm nội dung cụ thể cho phù hợp tình hình thực tế tại thời điểm theo tiến độ đào tạo).

- Thực hiện tổ chức thi kết thúc môn học: Việc tổ chức thi kết thúc môn học thực hiện theo Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành của Trường.

- Thực hiện xét công nhận tốt nghiệp: Người học phải học xong chương trình và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong Chương trình đào tạo sẽ được Hội đồng xét tốt nghiệp xét đủ điều kiện để công nhận và cấp bằng tốt nghiệp trình độ Trung cấp với ngành/nghề được đào tạo, cụ thể:

+ Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học được đánh giá theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên.

+ Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Về điều kiện Tin học, Ngoại ngữ: Thực hiện theo quy định của Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, cụ thể như sau:

+ Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông Tin và Truyền Thông, đáp ứng yêu cầu công việc.

+ Có năng lực ngoại ngữ bậc 1/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trở lên.

- Trường cấp bằng tốt nghiệp cho người học: Trình độ Trung cấp

9. Các chú ý khác

Chương trình này có giá trị sử dụng sau khi được thẩm định và có quyết định ban hành triển khai thực hiện kể từ ngày ký.

Cần Thơ, ngày 08 tháng 08 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thành Long